

Phụ lục 1
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
Đính kèm Tờ trình số TTr-UBND ngày /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

DVT: Triệu đồng								
STT	Tên nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 thực tế triển khai ở địa		Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Tỷ lệ so với trung hạn Thủ tướng giao	Tỷ lệ so với trung hạn thực tế triển khai	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7=6/3	6=6/4	7
	TỔNG CỘNG=A+B+C	23.375.026	33.483.046	8.092.870	64.750.614	277,01%	193,38%	
A	KẾ HOẠCH TRUNG HẠN VÀ HÀNG NĂM ĐƯỢC PHÂN BỐ	23.375.026	33.483.046	8.092.870	47.758.538	204,31%	142,63%	
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	18.014.400	28.169.214	8.092.870	40.464.350	224,62%	143,65%	
	NGUỒN VỐN TRONG CÂN ĐỐI	18.014.400	28.169.214	8.092.870	40.464.350	224,62%	143,65%	
	Vốn XD CB tập trung trong nước		5.752.214	1.322.870	6.614.350		114,99%	
	Vốn Tiền sử dụng đất		13.747.000	4.600.000	23.000.000		167,31%	
	Vốn Xổ số kiến thiết		8.670.000	2.170.000	10.850.000		125,14%	
1	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ		18.175.158	5.757.153	28.785.765		158,38%	
	Vốn XD CB tập trung trong nước		4.314.158	992.153	4.960.765		114,99%	
	Vốn Tiền sử dụng đất		6.058.000	2.812.000	14.060.000		232,09%	
	Vốn Xổ số kiến thiết		7.803.000	1.953.000	9.765.000		125,14%	
2	NGÂN SÁCH CẤP XÃ QUẢN LÝ		9.994.056	2.335.717	11.678.585		116,86%	
	Vốn XD CB tập trung trong nước		1.438.056	330.717	1.653.585		114,99%	
	Vốn Tiền sử dụng đất		7.689.000	1.788.000	8.940.000		116,27%	
	Vốn Xổ số kiến thiết		867.000	217.000	1.085.000		125,14%	
II	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	5.360.626	5.313.832		7.294.188	136,07%	137,27%	
	Trong nước	4.788.727	4.788.727		3.639.500	76,00%	76,00%	
	Nước ngoài	571.899	525.105		3.654.688	639,04%	695,99%	
B	NGUỒN VỐN VƯỢT THU				16.586.000			
C	NGUỒN VỐN VAY LẠI ODA				406.076			

Phụ lục 2 :
DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026 -2030
Đính kèm Tờ trình số TTr-UBND ngày /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư gần nhất			Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	19	20
	TỔNG CỘNG						6.438.026	6.410.864		2.011.918	4.228.000		
I	Lĩnh vực Giao thông						4.502.477	4.502.477		1.665.918	2.673.000		
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030						4.502.477	4.502.477		1.665.918	2.673.000		
1	ĐT.836B	Thanh Hóa	Ban QLDA ĐTXD		2025-2028	13941/QĐ-UBND, 31/12/2024	149.662,954	149.662,954	2025	32.950	116.000	2028	
2	06 cầu còn lại trên tuyến ĐT.831 (Đoạn Vĩnh Bình - cửa khẩu Long Khốt và đoạn Vĩnh Hưng - Tân Hưng đi Tân Phước)	Tân Hưng; Vĩnh Hưng	Ban QLDA ĐTXD		2024-2027	2457/QĐ-UBND, 29/3/2023	286.760	286.760	2024	174.600	110.000	2027	
3	ĐT.827 đoạn từ lộ Ông Nhạc đến cầu Phú Lộc	Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD		2025-2028	13577/QĐ-UBND, 26/12/2024	100.000	100.000	2025	30.000	70.000	2028	
4	Các cầu trên tuyến đường liên xã Thủy Tây - Thạnh An	Thanh Hóa	Ban QLDA ĐTXD		2025-2027	13922/QĐ-UBND, 31/12/2024	58.805	58.805	2025	15.000	42.000	2027	
5	Cầu Cà Gừa	TX Kiển Tường; Tân Thạnh	Ban QLDA ĐTXD		2024-2026	3156/QĐ-UBND, 18/4/2023	29.341	29.341	2024	12.000	16.000	2026	
6	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới ĐT.822 đoạn từ Tân Mỹ đến Hiệp Hoà	Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD		2024-2027	12232/QĐ-UBND, 26/12/2022	249.996	249.996	2024	181.368	65.000	2027	
7	Xây dựng đường dẫn vào 03 cầu trên ĐT.827E	Cần Giuộc; Cần Đức; Tân Trụ, Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD		2025-2028	13939/QĐ-UBND, 31/12/2024	1.432.966	1.432.966	2025	200.000	1.230.000	2027	
8	Nâng cấp, cải tạo ĐT.830C	Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD		2024-2027	11543/QĐ-UBND, 07/12/2022; 4770/QĐ-UBND, 29/4/2025	1.850.946	1.850.946	2025	950.000	750.000	2028	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư gần nhất			Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	19	20
9	ĐT.825 (đoạn từ ĐT.822B đến ngã ba Lộc Giang)	Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD		2025-2028	3069/QĐ-UBND, 25/3/2025	298.000	298.000	2025	60.000	238.000	2028	
10	ĐT.830 (đoạn từ ĐT.823 – ĐT.822)	Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD		2025-2027	3067/QĐ-UBND, 25/3/2025	46.000	46.000	2025	10.000	36.000	2027	
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						1.421.422	1.421.422		200.000	1.220.000		
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030						1.421.422	1.421.422		200.000	1.220.000		
1	Khởi nhà chính trong Khu trung tâm chính trị hành chính tỉnh	Tân An	Ban QLDA ĐTXD		2024-2029	04/NQ-HĐND, 29/01/2024	1.421.422	1.421.422	2024	200.000	1.220.000	2029	
III	Lĩnh vực Y tế						329.993	329.993		95.000	233.000		
1	Xây dựng mới bệnh viện Phổi	Tân An	Ban QLDA ĐTXD		2024-2027	25/NQ-HĐND, 17/8/2021	300.000	300.000	2025	85.000	215.000	2027	
2	Nâng cấp, mở rộng trung tâm y tế huyện Tân Trụ	Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD		2025-2027	12992/QĐ-UBND, 13/12/2024	29.993	29.993	2025	10.000	18.000	2027	
IV	Lĩnh vực Giáo dục						46.289	46.289		19.000	26.000		
1	Xây dựng mới trường THPT Chu Văn An	thị trấn Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD		2024-2026	13162/QĐ-UBND, 18/12/2024	46.289	46.289	2025	19.000	26.000	2026	
V	Lĩnh vực Quốc phòng						24.978	24.978		12.000	11.000		
1	Nhà xe sẵn sàng chiến đấu, nhà tập bắn/Bộ CHQS tỉnh	Tân An	Bộ CHQS tỉnh		2025-2026	11368/QĐ-UBND, 30/11/2023	24.978	24.978	2025	12.000	11.000	2026	
VI	Ngành Văn hóa						112.867	85.705		20.000	65.000		
	Dự án chuyển tiếp sang 2026-2030						112.867	85.705		20.000	65.000		
1	Xây dựng Khu lưu niệm, Nhà lưu niệm đồng chí Võ Văn Tần, đồng chí Võ Văn Ngân và trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Khu vực ngã tư Đức Hòa	Đức Hòa	BQLDADTX DCCTDD&CN		2026-2029	14/NQ-HĐND, 21/5/2024	112.867	85.705	2026	20.000	65.000	2027	

Phụ lục 3 :
DỰ KIẾN DANH MỤC KHỞI CÔNG MỚI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Đính kèm Tờ trình số TTr-UBND ngày /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)				Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG						115.178.396	56.822.761		0	24.557.765		
I	Cấp bổ sung vốn cho các loại quỹ, ủy thác ngân hàng chính sách						775.000	775.000			775.000		
1	Ủy thác ngân hàng chính sách				2026-2030		325.000	325.000			325.000		
2	Cấp vốn quỹ phát triển đất				2026-2030		400.000	400.000			400.000		Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 10/12/2024
3	Cấp bổ sung vốn điều lệ cho quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh				2026-2030		50.000	50.000			50.000		Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/8/2024
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						3.000.000	3.000.000		0	3.000.000		
1	Các khối nhà trong khu trung tâm chính trị hành chính tỉnh		Ban QLDA ĐTXD				2.500.000	2.500.000			2.500.000		Phục vụ nhu cầu làm việc cán công chức sau sắp xếp
2	Xây dựng mới Nhà công vụ		Ban QLDA ĐTXD				500.000	500.000			500.000		Phục vụ nhu cầu sinh hoạt cán công chức sau sắp xếp
III	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề						2.640.000	2.640.000			2.722.098		Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có danh mục chi tiết

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)				Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện hoặc xã sau hợp nhất thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đảm bảo lộ trình trường đạt chuẩn (bao gồm mua sắm trang thiết bị)						2.390.000	2.390.000			2.472.098		thực hiện nông thôn mới và phổ cập mầm non, tiểu học, trung học cơ sở
2	Xây mới, Cải tạo, sửa chữa các trường THPT (bao gồm mua sắm trang thiết bị)						150.000	150.000			150.000		
3	Cải tạo, sửa chữa các trường Cao Đẳng Long An (bao gồm mua sắm trang thiết bị)						100.000	100.000			100.000		Phục vụ nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giảng dạy
IV	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình						1.508.575	1.508.575	0	0	1.500.000		
1	Xây mới hạng mục, cải tạo, mua sắm trang thiết bị cho bệnh viện Đa khoa Long An						800.000	800.000			800.000		Phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân
2	cải tạo, mua sắm trang thiết bị Trung tâm y tế, trạm y tế						640.000	640.000			640.000		Phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân
3	Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Y tế Long An	Tp. Tân An	Ban QLDA ĐTXD	Nâng cấp, cải tạo			68.575	68.575		0	60.000		Phục vụ nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên
V	Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội						150.000	150.000			150.000		
VI	Lĩnh vực quốc phòng						300.000	300.000			300.000		
	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh						250.000	250.000			250.000		
	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh						50.000	50.000			50.000		
VII	Lĩnh vực Công nghệ thông tin						463.000	463.000			460.000		
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan đảng tỉnh Long An giai đoạn 2026 - 2030	các huyện	Văn phòng Tỉnh ủy		2026-2030		53.000	53.000			50.000		Phục vụ chuyển đổi số

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)				Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm dữ liệu tỉnh giai đoạn 2026-2030	Tân An	Sở KHCN		2026-2030		110.000	110.000			110.000		Phục vụ chuyển đổi số
3	Các dự án thành phần triển khai "Đề án Tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực, địa phương phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030"	Tân An	Sở ngành tỉnh; UBND cấp huyện		2026-2030		300.000	300.000			300.000		Phục vụ chuyển đổi số
VIII	Lĩnh vực Văn hóa, thể thao						146.144	146.144		0	140.000		
1	Di tích đám lá tối trời	huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD		2026-2030		46.144	46.144			40.000		để đảm bảo tính tôn nghiêm và thể hiện lòng tri ân đối với những anh hùng của dân tộc
2	Xây mới, cải tạo, sửa chữa di tích, trung tâm văn hóa của tỉnh, đoàn xiếc, đoàn cải lương, ...		Ban QLDA ĐTXD				100.000	100.000			100.000		
IX	Cấp nước, thoát nước (Nước sạch nông thôn)	các huyện					250.000	250.000			250.000		Sở Nông nghiệp và MT sẽ đề xuất danh mục chi tiết
X	Lĩnh vực Bảo đảm xã hội						247.697	247.697		0	240.000		
1	Nâng cấp, Mở rộng Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh	huyện Thanh Hoá, tỉnh Long An	Ban QLDA ĐTXD	56.500 m²	2026-2030		175.000	175.000			170.000		
2	Cải tạo, sửa chữa Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	TP Tân An, tỉnh Long An	Ban QLDA ĐTXD	53.857 m²	2026-2030		72.697	72.697			70.000		
XI	Lĩnh vực Nông nghiệp, Thủy lợi						1.287.870	1.175.000		0	610.000		
1	Xử lý sạt lở đe bao ven sông Vàm Cỏ Tây, đoạn ấp 1, xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa	Xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD	500m	2026-2030		25.000	25.000			25.000		khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông, ổn định cuộc sống của người dân

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)				Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Xử lý sạt lở bờ sông Cần Giuộc khu vực xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (đoạn còn lại)	Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD	620 m	2026-2029		173.000	150.000	2026		150.000		Xử lý tình trạng sạt lở bờ sông Cần Giuộc khu vực xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc góp phần đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống, tinh thần của hàng trăm hộ dân
3	Kè chống sạt lở Bờ sông Tầm Vu (đoạn từ Cầu Ông Khôi đến cầu Tầm Vu 2)	Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	2.440m (2 bên)	2028-2030		268.000	200.000	2027		185.000		tình hình sạt lở đất đang xảy ra tại khu vực Chợ Tầm Vu là nơi tập trung đông dân cư, nhiều nhà bị cuốn trôi ra rạch đã gây thiệt hại lớn đến tài sản của người dân
4	Kè bảo vệ bờ sông Vàm Cỏ Tây (từ cầu mới Tân An đến cống Rạch Chanh), thành phố Tân An	Thành phố Tân An	Ban QLDA ĐTXD	L=5650m	2028-2031		821.870	800.000	2028		250.000		Phòng chống sạt lở, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn cho người và tài
XII	Lĩnh vực Giao thông vận tải						103.498.718	45.255.953		-	13.519.667		
	Dự án trọng điểm của ĐHĐB tỉnh						19.048.000	19.048.000		0	4.244.000		
1	ĐT.827E đoạn còn lại	Cần Giuộc, Cần Đước; Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	19,5Km	2026-2030		7.570.000	7.570.000			2.300.000		Phân bổ 2.639,5 tỷ đồng từ vốn TW

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)				Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Đường Tân An – Bình Hiệp	Thủ Thừa, Thanh Hóa, Mộc Hóa, Kiến Tường	Ban QLDA ĐTXD	63,5Km	2026-2030		8.478.000	8.478.000			1.600.000		thực hiện giải phóng mặt bằng; phần xây dựng thực hiện theo hình thức BT trả trong vòng 06 năm; mỗi năm trtar 2.000 tỷ đồng; khi thực hiện sẽ ký hợp đồng cụ thể thời điểm bắt đầu trả
3	Trục động lực kết nối Bình Dương - Tây Ninh – Long An						3.000.000	3.000.000			344.000		
	Dự án quan trọng quốc gia						64.182.000	10.000.000		-	2.714.000		
1	Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đoạn qua tỉnh Long An	Đức Hòa, Đức Huệ, Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD	74,5Km	2026-2031		64.182.000	10.000.000			2.714.000		Còn lại 8.000 tỷ đồng sẽ phân bổ từ các nguồn vượt thu
	Dự án khác						20.268.718	16.207.953		-	6.561.667		
1	Trục động lực Đức Hòa	Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD	23,5Km	2026-2030		9.361.000	9.361.000			1.995.667		Còn lại khoảng 3.500 tỷ đồng sẽ phân bổ từ nguồn vượt thu
2	03 cầu trên ĐT.827E (cầu bắc qua sông Cần Giuộc, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây)	Cần Giuộc, Cần Đước; Tân Trụ; Châu Thành					4.797.718	736.953			736.000		Vốn đối ứng ODA
3	Sửa chữa các tuyến đường tỉnh (ĐT.817 - Đỗ Trinh Thoạii, ĐT.829, ĐT.830, ĐT.831, ĐT.837; ĐT.838)	các huyện	Ban QLDA ĐTXD	Sửa chữa nền mặt đường, Bổ sung HTTN	2026-2029	73/NQ-HĐND, 10/12/2022	115.000	115.000			100.000		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)				Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	Trong đó: phân vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Cải tạo mặt đường và cống thoát nước ĐT.835	Cần Đước, Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD	5,8km	2026-2029	48/NQ-HĐND, 27/10/2022	150.000	150.000			130.000		Các dự án của GD 2021-2025 chưa thực hiện chuyển sang 2026-2030
5	Cải tạo mặt đường ĐT.830B	Cần Đước, Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD	6,9Km	2026-2029	49/NQ-HĐND, 27/10/2022	90.000	90.000			80.000		
6	ĐT.837B đoạn còn lại	Tân Thạnh, Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD	29Km	2026-2029		225.000	225.000			200.000		
7	Nâng cấp, mở rộng ĐT.836, huyện Thạnh Hóa	Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD	4,5km	2026-2029	53/NQ-HĐND, 27/10/2022	95.000	95.000			90.000		
8	ĐT.833 đoạn Nhơn Thạnh Trung - ĐT.827E	Tân An, Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD	10,0Km; 2 cống	2026-2029		430.000	430.000			390.000		phục vụ nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn, thu hút đầu tư cho địa phương
9	ĐT.818 (đoạn cầu BoBo - QL.N2)	Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD	11,9Km	2028-2033		1.572.000	1.572.000			1.000.000		phục vụ nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn, thu hút đầu tư cho địa phương
10	Cầu Bình Phong Thạnh	Mộc Hóa	Ban QLDA ĐTXD	1 Cầu BTCT DUL	2029-2032		478.000	478.000			400.000		thay thế cho cầu dây đã xây dựng từ năm 2014
11	ĐT.822B giai đoạn 2	Đức Hòa, Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD	11,4Km	2025-2028		1.400.000	1.400.000			500.000		phục vụ nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn, thu hút đầu tư cho địa phương
12	Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường tỉnh quản lý						100.000	100.000			100.000		nâng cao tuổi thọ các tuyến đường, đảm bảo an toàn cho nhân dân

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)				Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
13	ĐT.838 đoạn ĐT.822B – Mỹ Quý Tây	Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD	13Km	2029		1.455.000	1.455.000			840.000		phục vụ nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn, thu hút đầu tư cho địa phương
XIII	Lĩnh vực khu kinh tế						50.000	50.000	0	0	50.000		
1	Nâng cấp cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp	thị xã Kiến Tường	Ban QLDA ĐTXD		2026-2030		50.000	50.000			50.000		Thu hút đầu tư, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Long An
XIV	Lĩnh vực Môi trường						22.600	22.600			21.000		
1	Xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước dưới đất tỉnh Long An đến năm 2030	09 huyện	Sở Nông nghiệp và MT		2026-2030		22.600	22.600			21.000		dự báo nguồn nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp cho nhân dân
XV	Lĩnh vực kho tàng (Dự án trọng điểm của ĐHDB tỉnh)						818.792	818.792		0	800.000		
1	Bảo tàng - thư viện tỉnh	thành phố Tân An, tỉnh Long An	Ban QLDA ĐTXD		2026-2030		818.792	818.792			800.000		gìn giữ những di sản thu hút du lịch cho địa phương
XVI	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư						20.000	20.000			20.000		

28.785.765

Phụ lục 4:
DỰ KIẾN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
CÁC NGUỒN VỐN VƯỢT THU NGÂN SÁCH TỈNH

Đính kèm Tờ trình số TTr-UBND ngày /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

DVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật điều chỉnh gần nhất		Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 (vốn ngân sách tỉnh)	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú	
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số						Trong đó: phần vốn ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG						79.364.870	25.161.000		0	16.586.000		
I	Lĩnh vực Giao thông vận tải						76.543.000	22.361.000		-	14.286.000		
1.1	Dự án quan trọng quốc gia						64.182.000	10.000.000		-	7.286.000		
1	Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đoạn qua tỉnh Long An	Đức Hòa, Đức Huệ, Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD	74,5Km	2026-2031		64.182.000	10.000.000			7.286.000		
1.2	Dự án trọng điểm của ĐHĐB tỉnh						3.000.000	3.000.000			2.000.000		
1	Trục động lực kết nối Tây Ninh - thành phố HCM						3.000.000	3.000.000			2.000.000		
1.3	Dự án khác						9.361.000	9.361.000			5.000.000		
1	Trục động lực Đức Hòa	Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD	23,5Km	2026-2030		9.361.000	9.361.000			5.000.000		
II	Lĩnh vực văn hóa thể thao						2.000.000	2.000.000	0	0	1.800.000		
1	Xây dựng khu liên hợp văn hóa thể thao	Thanh Hóa	Ban QLDA ĐTXD		2026-2030		2.000.000	2.000.000			1.800.000		Xây dựng các hạng mục cần thiết như sân vận động, nhà thi đấu
III	Lĩnh vực Nông nghiệp, thủy lợi						821.870	800.000		0	500.000		
1	Kè bảo vệ bờ sông Vàm Cỏ Tây (từ cầu mới Tân An đến cống Rạch Chanh), thành phố Tân An						821.870	800.000			500.000		

Phụ lục 5 :
DỰ KIẾN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
NGUỒN VỐN: VAY LẠI ODA

Đính kèm Tờ trình số TTr-UBND ngày /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật điều chỉnh gần nhất			Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng,	Tổng mức đầu tư						
							Tổng số	vốn vay lại					
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG						4.797.718	406.076			406.076		
	Ngành giao thông vận tải						4.797.718	406.076			406.076		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030						4.797.718	406.076			406.076		
	Dự án nhóm A						4.797.718	406.076			406.076		
1	03 cầu trên ĐT.827E (cầu bắc qua sông Cần Giuộc, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây)	tỉnh Long An	Ban QLDA ĐTXD		2026-2030		4.797.718	406.076	2026		406.076	2030	

Phụ lục 6 :
DỰ KIẾN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC

Đính kèm Tờ trình số TTr-UBND ngày /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư gần nhất			Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế	Ghi chú
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
							Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách trung ương				
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG						8.849.000	8.720.000		3.639.500		
I	Ngành giao thông vận tải						8.849.000	8.720.000		3.639.500		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						8.849.000	8.720.000		3.639.500		
1	ĐT.827E đoạn còn lại	Cần Giuộc, Cần Đước; Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD	19,5Km	2026-2030		7.570.000	7.570.000	2026	2.549.500	2.030	Kết nối thành phố HCM - Long An - Tiền Giang
2	ĐT.826D đoạn từ đường Vành đai 4 đến ĐT.830	Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD	5,0Km và các cầu	2025-2028		979.000	850.000	2026	850.000	2029	Kết nối cảng Hiệp Phước (thành phố Hồ Chí Minh - KCN Long An - cảng Long An (tỉnh Long An)
3	Cầu Tắc Cạn và cầu Đông An	Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD	02 cầu	2026-2029	12977/QĐ-UBND, 21/12/2021	300.000	300.000	2.026	240.000	2.030	

Phụ lục 7:
DỰ KIẾN DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NƯỚC NGOÀI (ODA)

Đính kèm Tờ trình số TTr-UBND ngày /6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (theo hồ sơ)	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật điều chỉnh gần nhất			Năm bắt đầu bố trí vốn	Dự kiến Lũy kế giá trị giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030	Năm hoàn thành theo thực tế
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
							Tổng số	Ngân sách trung ương nước ngoài				
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG						4.797.718	3.654.688			3.654.688	
	Ngành giao thông vận tải						4.797.718	3.654.688			3.654.688	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						4.797.718	3.654.688			3.654.688	
	Dự án nhóm A						4.797.718	3.654.688			3.654.688	
1	03 cầu trên ĐT.827E (cầu bắc qua sông Cần Giuộc, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây)	tỉnh Long An	Ban QLDA ĐTXD		2026-2030		4.797.718	3.654.688	2026		3.654.688	2030

ig

Ghi chú
<i>13</i>